

Số: 04/BC-TTPVHCC

Bình Giang, ngày 02 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về công tác cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính (từ ngày 01/02/2026 đến ngày 28/02/2026)

Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã giao tại về việc đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu được giao về công tác cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính. Trên cơ sở báo cáo của Văn phòng HĐND-UBND xã, Phòng kinh tế xã, Phòng Văn hóa - xã hội xã, trung tâm phục vụ hành chính công xã tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, như sau:

1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về công tác cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính

1.1. Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến (chỉ tiêu giao $\geq 60\%$)

Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến của toàn xã đạt **100%** (số hồ sơ nộp trực tuyến/tổng số hồ sơ tiếp nhận là 559 hồ sơ, hồ sơ tiếp nhận trong kỳ 553 hồ sơ, hồ sơ kỳ trước chuyển qua 6 hồ sơ), trong đó:

- Văn phòng HĐND-UBND xã: Đạt **100%** (514/514 hồ sơ); hồ sơ trực tuyến trong kỳ 514 hồ sơ, hồ sơ từ chối 02 hồ sơ, hồ sơ rút 01 hồ sơ. Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Kinh tế xã: Đạt **100%** (27/27 hồ sơ); hồ sơ trực tuyến 27 hồ sơ, hồ sơ trực tiếp 0 hồ sơ, hồ sơ tiếp nhận trong kỳ 25 hồ sơ, hồ sơ kỳ trước 02 hồ sơ. Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Văn hóa - Xã hội xã: Đạt **100%** (18/18 hồ sơ); hồ sơ trực tuyến trong kỳ 14 hồ sơ, kỳ trước chuyển qua 04 hồ sơ. Đạt chỉ tiêu giao.

1.2. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (chỉ tiêu giao $\geq 60\%$):

Tỷ lệ thanh toán trực tuyến toàn xã đạt **100%** (số hồ sơ thanh toán trực tuyến/tổng số hồ sơ có phí, lệ phí là **310/310** hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao

1.3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được cập nhật trên hệ thống (chỉ tiêu giao = 100%):

Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được cập nhật trên hệ thống của toàn thành phố đạt **100%** (số hồ sơ được cập nhật lên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính/tổng số hồ sơ tiếp nhận là 559/559 hồ sơ), trong đó:

- Văn phòng HĐND-UBND xã: Đạt **100%** (514/514 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Kinh tế xã: Đạt **100%** (27/27 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Văn hóa - Xã hội xã: Đạt **100%** (18/18 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

1.4. Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (chỉ tiêu giao = 100%):

Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của toàn xã trong kỳ **554/554** hồ sơ, đạt tỷ lệ **100%**, trong đó:

- Văn phòng HĐND-UBND xã: Đạt **100%** (514/514 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Kinh tế xã: Đạt **100%** (25/25 hồ sơ), hồ sơ đang giải quyết 02 hồ sơ. Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Văn hóa - Xã hội xã: Đạt **100%** (15/15 hồ sơ), hồ sơ đang giải quyết 03 hồ sơ. Đạt chỉ tiêu giao.

1.5. Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin số hóa (chỉ tiêu giao $\geq 50\%$):

Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin số hóa của toàn xã đạt **100%**.

1.6. Tỷ lệ phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được xử lý theo quy định (chỉ tiêu giao = 100%):

Trong kỳ tiếp nhận 02 phản ánh kiến nghị. Tỷ lệ phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được xử lý theo quy định của toàn xã đạt: **100%**. Đạt chỉ tiêu giao.

2. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính của xã

2.1. Tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết trước hạn, đúng hạn

Tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết trước hạn, đúng hạn đạt: **100%** (số hồ sơ đã giải quyết trước hạn, đúng hạn/tổng số hồ sơ đã giải quyết là (554/554, tổng hồ sơ tiếp nhận trong kỳ và kỳ trước chuyển qua 559 hồ sơ, tiếp nhận trong kỳ 554, kỳ trước chuyển qua 6 hồ sơ, hồ sơ đang giải quyết 5 hồ sơ, hồ sơ rút 001 hồ sơ, hồ sơ từ chối 02 hồ sơ), quá hạn 00 hồ sơ, trong đó:

+ Văn phòng HĐND-UBND xã: Đạt **100%** (514/514 hồ sơ).

+ Phòng Văn hóa - Xã hội: Đạt **100%** (15/15 hồ sơ).

+ Phòng kinh tế: Đạt **100%** (25/25 hồ sơ).

2.2. Tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết quá hạn

Trong kỳ không có hồ sơ quá hạn.

3. Tồn tại, hạn chế

- Hệ thống giải quyết TTHC giữa các Bộ không đồng nhất về giao diện và các danh mục xử lý, gây khó khăn quá trình thao tác. Quá trình liên thông giữa Cổng dịch vụ công Quốc gia và các Bộ còn nhiều quy trình phức tạp, dẫn đến việc người dân tự nộp hồ sơ còn hạn chế.

- Trong thực tế, phần lớn công dân không thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, chủ yếu công chức chuyên môn tiếp nhận hướng dẫn và nộp hộ. Một số ít có thực

hiện việc nộp hồ sơ trực tuyến nhưng hồ sơ nộp còn sai sót nhiều. Việc làm quen với chức năng truy xuất, tái sử dụng hồ sơ điện tử còn hạn chế, hầu hết người dân chưa nắm vững thao tác kỹ thuật.

- Trong quá trình thực hiện lưu trữ hồ sơ, kết quả thực hiện thủ tục hành chính; truy xuất giấy tờ từ kho dữ liệu của công dân; kiểm tra danh tính số còn gặp khó khăn từ lỗi phần mềm, hệ thống. Đồng thời Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính chưa có chức năng thống kê tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin số hóa, gây khó khăn cho công tác báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trung tâm phục vụ hành chính công xã Bình Giang thông báo để Thủ trưởng các phòng chuyên môn. Lãnh đạo UBND xã biết chỉ đạo, thực hiện và có giải pháp khắc phục đảm bảo nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã (để b/c);
- Các Phòng chuyên môn xã;
- Lãnh đạo TTPVHCC xã;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Xuân Thành

Phụ lục

Tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tháng 02 năm 2026 của xã Bình Giang

(Kèm theo Báo cáo số: 04/BC-TTPVHCC ngày 02/3/2026 của Trung tâm phục vụ Hành chính công xã Bình Giang)

| STT | Lĩnh vực giải quyết | Số lượng hồ sơ tiếp nhận | | | | Số lượng hồ sơ đã giải quyết | | | | | | Số lượng hồ sơ đang giải | | | |
|------------------|---------------------|--------------------------|------------|------------------------|-------------|-----------------------------------|------------|------------|-------------|---------------------------|-------------|----------------------------|-------------|-------------|-----------------|
| | | Tổng số | Trong kỳ | | Từ kỳ trước | Tổng số | Trước hạn | Đúng hạn | Quá hạn | Từ chối, không giải quyết | Hồ sơ rút | Tổng số | Trong hạn | Quá hạn | Yêu cầu bổ sung |
| | | | Thực tuyến | Trực tiếp, dịch vụ bưu | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3)=(4)+(5)+(6) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(14)+(15)+(16) | (14) | (15) | (16) |
| 1 | Hộ tịch | 184 | 184 | 0 | 0 | 184 | 181 | 0 | 0 | 2 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Chứng thực | 330 | 330 | 0 | 0 | 330 | 330 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Người có công | 5 | 1 | 0 | 4 | 4 | 4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 |
| 4 | Bảo trợ xã hội | 13 | 13 | 0 | 0 | 11 | 11 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 2 | 0 | 0 |
| 5 | Đăng ký kinh doanh | 18 | 18 | 0 | 0 | 18 | 18 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Đất đai | 9 | 7 | 0 | 2 | 7 | 7 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 2 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | | 559 | 553 | 0 | 6 | 554 | 551 | 0 | 0 | 2 | 1 | 5 | 5 | 0 | 0 |